

Bản án số: 165/2025/HS-PT

Ngày: 23-9-2025

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán:

ông Đặng Kim Nhân

ông Nguyễn Tấn Long

*- Thư ký phiên tòa:* bà Đặng Ngọc Gia Linh - Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

*- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2025/TLPT-HS ngày 29/7/2025 đối với các bị cáo **Lê Thị Ngọc B**, **Lê Bảo N** về tội “*Mua bán người*” và tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

Do có kháng cáo của các bị cáo **Lê Thị Ngọc B**, **Lê Bảo N** và của bị hại Niê Hờ Nguyệt đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HS-ST ngày 18-6-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk). Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 595/2025/QĐXXPT-HS ngày 09/9/2025.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Lê Thị Ngọc B**, sinh năm 2005 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: **khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là khu phố T, xã S, tỉnh Đắk Lắk)**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nữ; trình độ văn hoá: 11/12; nghề nghiệp: Nhân viên; con ông **Lê Ngọc T** và con bà **Huỳnh Thị Kim N1**; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 11/8/2024, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê Bảo N**, sinh năm 1995 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: **khu phố E, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk)**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 12/12;

nghề nghiệp: Lái xe; con ông Lê Quý K và con bà Trần Thị Minh T1; có vợ tên là Tô Thị Hải Y; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*Những người tham gia tố tụng:*

- Bị hại: Niê Hờ N2, sinh năm 2006; nơi cư trú: Buôn B, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là Buôn B1, xã S, tỉnh Đắk Lắk), có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Bảo N: Luật sư Nguyễn Công Đ, Văn phòng L4; địa chỉ: D phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Nguyễn N3 - ký Hợp đồng của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (nay là Trung tâm T8 tỉnh Đắk Lắk); địa chỉ: A H, phường T, tỉnh Đắk Lắk, có Đơn xét xử vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số bị cáo khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thanh H là chủ quán K1 (quán K1), địa chỉ: Khu phố I, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên, em Hồ Xuân H1 (tên gọi khác H2) là nhân viên của quán W nợ tiền của H nhưng bỏ đi khỏi quán. Sau khi H bị bắt về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, Lê Thị Ngọc B thay Hào quản lý quán K1, B biết em Hồ Xuân H1 đang ở nhà nghỉ T9 thuộc xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 08/08/2024, B rủ Nguyễn Thị Mỹ V, Trần Thị Mỹ L1, Nguyễn Thanh T2 (sinh ngày 05/10/2009) là nhân viên của quán W và Nguyễn Xuân B2 đến nhà nghỉ Thu T3 bắt em H1 đưa về quán K1 làm việc trả nợ. Bích thuê Lê Bảo N điều khiển xe ô tô chở B, B2, V, L1, T3 đến thị trấn C, huyện S gặp đe dọa và bảo các em Nguyễn Thị Phúc T4, sinh năm 2010; Trương Nguyễn Thiên T5, sinh năm 2013; Trần Thanh T6, sinh năm 2010 dẫn đường đến nhà nghỉ T9. Bích, B2, V, L1, T3 đi vào nhà nghỉ Thu T3 tìm bắt em H1, anh Hồ Đức T7 (anh của em H1) ngăn cản, em H1 chạy thoát được. Thấy em Niê Hờ N2, sinh ngày 19/10/2006 (17 năm 9 tháng 19 ngày tuổi) ở cùng phòng với em H1 tại nhà nghỉ T9 (em N2 trước đây cũng là nhân viên của quán K1), B2 dùng tay đánh vào mặt em N2, la hét lớn tiếng đe dọa bảo em N2 đi xuống cổng nhà nghỉ, em N2 sợ nên đi xuống cổng nhà nghỉ. B cho rằng do em N2 mà em H1 bỏ trốn, nên bắt em N2 về quán Win làm việc trả nợ thay cho em H1, B la hét lớn tiếng đe dọa em N2 “*mày biết nó nợ tiền bao nhiêu mà mày dẫn nó đi trốn*”; B, B2 liên tục la hét lớn tiếng đe dọa và bảo em N2 “*đi lên xe*”; V, L1, T3 biết B, B2 đe dọa bắt em N2 nên cùng đứng gần đó để em N2 sợ làm theo lời B và B2, em N2 sợ nên lên

xe ô tô của N. N biết B, B2, V, L1, T3 bắt em N2 nhưng vẫn chở em N2 cùng B, B2, V, L1, T3. Trên đường đi B la hét lớn tiếng đe dọa em N2 “mày tìm con H2 về cho tao, nếu không tìm được con H2 thì gọi mẹ mày mang tiền sang chuộc; giờ ý mày sao, nếu không tao bán mày xuống dưới cầu”, B2 cũng la hét lớn tiếng đe dọa em N2 “tao cho mày lên đồn Công an đi cai nghiện” để em N2 sợ không chống cự. B hỏi N “con bé này bán được bao nhiêu tiền”, N trả lời “chắc cũng được khoảng vài chục triệu”. N chở đến quán K1, B đưa em N2 vào phòng của nhân viên, dùng tay, chân đánh em N2 và bảo V, L1, T3 canh giữ em N2 không để em N2 bỏ trốn; V, L1, T3 đồng ý và thay nhau canh giữ em N2.

Thông qua mối quan hệ xã hội, B biết Lê Như B3 có nhu cầu tuyển dụng gái bán dâm để hoạt động mại dâm tại quán B4, thuộc buôn N, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên do B3 và Trương Thị Mỹ N4 quản lý. Khoảng 09 giờ ngày 09/8/2024, B gọi điện thoại trao đổi với B3 bán em N2 cho B3 20.000.000 đồng. B3 nói lại cho N4 biết, B3, N4 đến gặp B và xem mặt em N2. B3, N4 đồng ý mua em N2 20.000.000 đồng, đưa trước 10.000.000 đồng, nếu em N2 làm tốt thì đưa tiếp 10.000.000 đồng, B đồng ý. Khoảng 14 giờ cùng ngày, N4 đưa cho B 10.000.000 đồng rồi chở em N2 về quán B4. B3, N4 bảo em N2 tắm rửa; N4 đưa mỹ phẩm, quần áo cho N2 dùng; B3 đưa em N2 hộp bao cao su và tuýp gel bôi trơn bảo em N2 chuẩn bị tối bán dâm, khi bán dâm phải vui. Ngoài ra, từ tháng 6/2024 đến ngày 11/8/2024 tại quán B4, B3, N4 còn chứa Trương Ngọc Ly N5, sinh 1992 bán dâm. Tối ngày 09/8/2024, B3, N4 bắt em N2 bán dâm qua đêm (ở qua đêm có quan hệ tình dục) cho người không xác định giá 1.200.000 đồng tại phòng của em N2 ở quán B4. Tối ngày 10/8/2024, Trương Hồng L2, Phan Vũ H3 đến quán B4, B3, N4 bắt em N2 bán dâm qua đêm cho L2 giá 1.200.000 đồng tại phòng của em N2 và bố trí cho N5 bán dâm qua đêm cho H3 giá 1.200.000 đồng tại phòng của N5 ở quán B4; B3, N4 thu lợi 2.400.000 đồng. Ngoài ra, từ tháng 6/2024 đến ngày 11/8/2024 tại phòng của N5 ở quán B4, B3 và N4 bố trí Na bán dâm cho nhiều người không xác định 20 lần (bán dâm 01 lần: 15 lần; ở qua đêm có quan hệ tình dục: 05 lần); B3, N4 thu lợi 6.000.000 đồng.

Ngày 11/8/2024, bị lực lượng Công an phát hiện, khám xét khẩn cấp quán B4 tạm giữ nhiều bao cao su đã sử dụng, chưa sử dụng và các đồ vật liên quan đến việc chứa mại dâm.

Kết luận giám định xâm hại tình dục số 328/KLXHTD-PY ngày 21/8/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh P kết luận: em Niê Hồ N2 bị bầm tím gò má trái, tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 01%. Tầng sinh môn không có vết xây xước, âm đạo giãn rộng, màng trinh có vết rách cũ vị trí 06 giờ, 04 giờ.

Ngày 28/02/2025, em N2 có Đơn không yêu cầu khởi tố về việc bị thương tích.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HSST-NCTN ngày 18-6-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk) đã quyết định:*

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Thị Ngọc B** phạm tội “Mua bán người” và “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Bị cáo **Lê Bảo N** phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

2. Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 4 Điều 150 và điểm e khoản 2 Điều 157; điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự cho tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Ngọc B**:

- 07 (bảy) năm tù và phạt bổ sung 30.000.000 đồng về tội “Mua bán người”;

- 04 (bốn) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”;

Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 11/8/2024.

3. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Bảo N** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, điều luật và hình phạt đối với các bị cáo **Lê Như B3**, **Trương Thị Mỹ N4**, **Nguyễn Xuân B2**, **Nguyễn Thị Mỹ V**, **Trần Thị Mỹ L1**, **Trương Hồng L2**; quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Sau khi xét xử sơ thẩm:*

Ngày 26/6/2025, bị cáo **Lê Thị Ngọc B** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 30/6/2025, bị cáo **Lê Bảo N** kháng cáo xin được giảm án và hưởng án treo. Ngày 27/6/2025, bị hại Niê **Hồ N2** kháng cáo xin cho bị cáo **Lê Bảo N** được hưởng án treo.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị cáo **Lê Thị Ngọc B** trình bày tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo. Bị cáo **Lê Bảo N** trình bày giữ nguyên kháng cáo và không yêu cầu Luật sư bào chữa cho bị cáo. Bị hại Niê **Hồ N2** trình bày giữ nguyên kháng cáo và đồng ý xét xử vắng mặt Luật sư.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: kháng cáo của các bị cáo **Lê Thị Ngọc B**, **Lê Bảo N** là trong thời hạn luật định. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Lê Thị Ngọc B** trình bày tự nguyện xin rút toàn bộ kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị **Lê Thị Ngọc B**.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Lê Bảo N** về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo điểm e khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ,

đúng tội. Đối chiếu hành vi phạm tội, vai trò thực hiện tội phạm của bị cáo **N** thấy rằng, mức hình phạt 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo **Lê Bảo N** là nghiêm khắc; bị hại kháng cáo xin cho bị cáo **N** hưởng án treo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Bảo N** và của bị hại **Niê H**, sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo **Lê Bảo N** hưởng án treo.

Bị cáo **Lê Bảo N** trình bày: tôi hành nghề xe taxi, không biết các bị cáo và tôi chở để lấy tiền công. Tôi nghĩ các bạn làm ăn với nhau. Do đó, kính mong Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và cho tôi hưởng án treo.

Luật cứ của Luật sư **Nguyễn N3** bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại **Niê H** Nguyệt thể hiện: bị cáo **Lê Bảo N** tham gia với vai trò là người giúp sức, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Bị hại tha thiết xin cho bị cáo **N** hưởng án treo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại **Niê H**, sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo **N** hưởng án treo. Bị hại **Niê H N2** thống nhất luận cứ của Luật sư và tha thiết xin Hội đồng xét xử cho bị cáo **Lê Bảo N** được hưởng án treo.

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng: sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26, 27 và 30/6/2025 các bị cáo **Lê Thị Ngọc B**, **Lê Bảo N** và bị hại **Niê H** kháng cáo bản án sơ thẩm. Như vậy, kháng cáo của các bị cáo và của bị hại là trong thời hạn quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Lê Thị Ngọc B** trình bày tự nguyện xin rút toàn bộ kháng cáo. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị **Lê Thị Ngọc B**, bản án sơ thẩm có hiệu lực đối với bị cáo **Lê Thị Ngọc B**.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo **Lê Bảo N** và của bị hại **Niê H** Nguyệt:

[2.1] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, bị cáo **Lê Bảo N** trình bày và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết. Bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Bắt người trái pháp luật*” theo điểm e khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, về hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là nghiêm khắc, mong Hội đồng xét xử cho hưởng án treo. Bị hại **Niê H** trình bày tha thiết xin Hội đồng xét xử cho bị cáo **Lê Bảo N** được hưởng án treo.

[2.2] Bị cáo **Lê Bảo N** thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức là điều khiến xe ô tô chở các bị cáo đi bắt giữ bị hại Niê Hồ Nguyệt về quán K1 và từ đó các bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội khác. Khi bị cáo **Lê Bảo N** thực hiện hành vi phạm tội với bị hại Niê Hồ Nguyệt khi N2 chưa đủ 18 tuổi, phạm vào điểm e khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự quy định mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét phân tích đánh giá về vai trò thực hiện tội phạm, nhân thân, thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo. Từ đó, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo theo quy định của pháp luật và xử phạt bị cáo **Lê Bảo N** 01 năm 06 tháng tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị xét xử và đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra.

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, bị cáo **Lê Bảo N** và bị hại Niê Hồ Nguyệt không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới thể hiện là có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Bảo N** và của bị hại **Niê H**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo **Lê Thị Ngọc B** không phải chịu. Bị cáo **Lê Bảo N** phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị **Lê Thị Ngọc B**, bản án sơ thẩm có hiệu lực đối với bị cáo **Lê Thị Ngọc B**.

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Bảo N** và của bị hại **Niê H**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Tuyên bố bị cáo **Lê Bảo N** phạm tội “*Bắt người trái pháp luật*”.

4. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Bảo N** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

5. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo **Lê Thị Ngọc B** không phải chịu. Bị cáo **Lê Bảo N** phải chịu 200.000 đồng.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Kim Nhân**

**Nguyễn Tấn Long**

**Trần Quốc Cường**